Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9402.90.13

Mã HS	9402.90.13
Mô tả hàng hóa	Đồ nội thất trong ngành y, giải phẫu, nha khoa hoặc thú y (ví dụ, bàn mổ, bàn khám, giường bệnh có lắp các bộ phận cơ khí, ghế nha khoa); ghế cắt tóc và các loại ghế tương tự, có thể xoay, ngả và nâng hạ; bộ phận của các mặt hàng trên / - Loại khác: / - - Đồ nội thất được thiết kế đặc biệt để dùng trong ngành y, giải phẫu hoặc thú y và các bộ phận của chúng: / - - - Bàn mổ, không hoạt động bằng điện (SEN)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 11:04:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/94029013/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18538
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18538
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18538
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17843
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17772
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17772
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17772
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17772
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17772
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17772
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17828
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17828
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17828
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17828

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17828
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17828
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17829
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17829
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17829
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17829
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17829
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17829
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17834
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17791
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17786
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17786
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17786
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17786
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17786
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17786
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17832
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17832
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17832
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17832
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17832
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17832
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17894
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17894
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17894
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17894

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17894
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17894
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17872
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17872
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17872
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17872
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17872
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17872
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17865
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17865
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17865
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17865
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17865
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17865
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17895
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17895
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17895
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17895
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17895
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17895
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17894
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17894
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17894
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17894
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17894
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17894

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17988
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17988
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17988
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17988
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17988
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17988
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17988
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17857
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17857
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17857
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17857
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17857
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17857
RCEP B	2022	2022	0	B!D17857
RCEP B	2023	2023	0	B!E17857
RCEP B	2024	2024	0	B!F17857
RCEP B	2025	2025	0	B!G17857
RCEP B	2026	2026	0	B!H17857
RCEP B	2027	2027	0	B!I17857
RCEP C	2022	2022	0	C!D17855
RCEP C	2023	2023	0	C!E17855
RCEP C	2024	2024	0	C!F17855
RCEP C	2025	2025	0	C!G17855
RCEP C	2026	2026	0	C!H17855
RCEP C	2027	2027	0	C!I17855
RCEP D	2022	2022	0	D!D17854

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17854
RCEP D	2024	2024	0	D!F17854
RCEP D	2025	2025	0	D!G17854
RCEP D	2026	2026	0	D!H17854
RCEP D	2027	2027	0	D!I17854
RCEP E	2022	2022	0	E!D17858
RCEP E	2023	2023	0	E!E17858
RCEP E	2024	2024	0	E!F17858
RCEP E	2025	2025	0	E!G17858
RCEP E	2026	2026	0	E!H17858
RCEP E	2027	2027	0	E!I17858
RCEP F	2022	2022	0	F!D17857
RCEP F	2023	2023	0	F!E17857
RCEP F	2024	2024	0	F!F17857
RCEP F	2025	2025	0	F!G17857
RCEP F	2026	2026	0	F!H17857
RCEP F	2027	2027	0	F!I17857
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16735
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16735
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16735
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16735

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9402.90 có 7 dòng thuế; dòng 9402.90.13 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bàn mổ, không hoạt động bằng điện (SEN).	9402.90.11 Ghế vệ sinh dành cho người bệnh (Commodes) (SEN); 9402.90.12 Bàn mổ, hoạt động bằng điện (SEN); 9402.90.14 Bàn khám (SEN); 9402.90.15 Giường bệnh (SEN); 9402.90.19 Loại khác; 9402.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9402.90.13 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9402.90.13	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9402.90.13. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9402.90.13 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18538), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.